

HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Bản án số: 159/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 10/8/2020

V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Bà **NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **NGUYỄN VĂN TÁM**

2. Ông **HUỲNH VĂN DŨNG**

-Thư ký phiên tòa: Ông **LƯƠNG THẾ VINH** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 10 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 416/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 về việc tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **PHÙNG THỊ MỸ X**, sinh năm 1988

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh **NGUYỄN VĂN C** sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

(Chị X có đơn xin vắng mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tờ tự khai, nguyên đơn chị Phùng Thị Mỹ X trình bày:

Chị và anh C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C cờ bạc, không quan tâm vợ con và anh chị đã chính thức ly thân luôn từ đó cho đến nay. Nay chị yêu cầu được ly hôn anh C.

Con chung có hai cháu tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 10/11/2008, Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/10/2018, hiện đang sống với chị. Nay chị yêu cầu được nuôi hết hai cháu, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn C: Không có văn bản ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị X, đồng thời vắng mặt không rõ lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Chị Phùng Thị Mỹ X có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt, anh Nguyễn Văn C vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Toà án triệu tập họp lệ lần thứ hai. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt Chị X, anh C.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào lời trình bày của Chị X có trong hồ sơ vụ án, Chị X cho rằng anh chị đã xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh C đam mê cờ bạc, không quan tâm gia đình làm cuộc sống vợ chồng không còn tình cảm, mất hạnh phúc và anh chị đã chính thức ly thân luôn từ đó cho đến nay. Nay chị cương quyết yêu cầu được ly hôn anh C. Bản thân anh C trong suốt quá trình thụ lý vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho anh để đảm bảo quyền nêu ý kiến nhưng anh C vẫn không có văn bản trình bày ý kiến và vắng mặt không lý do. Chứng tỏ, anh cố tình từ bỏ quyền phản đối, quyền chứng minh của mình, thể hiện anh không còn quan tâm đến cuộc sống hôn nhân của vợ chồng, và Chị X cũng có đơn xin giải quyết vụ án vắng mặt nên không có biện pháp nào để hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó, cuộc sống hôn nhân của anh chị đã thật sự đổ vỡ, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị X cho chị được ly hôn anh C là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Có hai cháu tên Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 10/11/2008, Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/10/2018, hiện đang sống với Chị X. Xét thấy, tiếp tục giao hai cháu cho Chị X nuôi là có cơ sở. Bởi lẽ, hai cháu đã sống ổn định với Chị X từ khi vợ chồng ly thân đến nay và bản thân cháu Đạt cũng có mong muốn được sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, căn cứ vào văn bản ý kiến của đại diện địa phương do đương sự cung cấp cho rằng hiện Chị X đang nuôi hai con là đúng sự thật. Thêm vào đó, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bản thân anh C cũng không có văn bản ý kiến gì liên quan đến yêu cầu được nuôi con của Chị X. Cho nên, tiếp tục giao hai con chung cho Chị X nuôi là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét là có căn cứ.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Chị X cho rằng không có nên không yêu cầu giải quyết và anh C cũng không cung cấp văn bản ý kiến gì liên quan đến nội dung này. Từ đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là có cơ sở.

[6] *Về án phí:* Chị X phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phùng Thị Mỹ X. Cho chị Phùng Thị Mỹ X được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Tiếp tục giao hai cháu Nguyễn Quốc Đ, sinh ngày 10/11/2008, Nguyễn Quốc T, sinh ngày 27/10/2018 cho Chị X nuôi. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị X không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, anh C có quyền, nghĩa vụ thăm non con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Điều không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị Phùng Thị Mỹ X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 0003712 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè nên xem như thi hành xong.

Về quyền kháng cáo: Chị X và anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN HOÀNG XUÂN LAM